



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân

Ngày 31/03/2025	17,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	-6.5%	-3.9%

DT thuần Q1/25
29.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.2 -29.1%
YoY: ▲ 4.40 17.6%

LN thuần Q1/25
2.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.79 -65.0%
YoY: ▲ 0.06 3.1%

LN sau thuế Q1/25
1.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.75 -63.8%
YoY: ▲ 0.07 4.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
7.4%
YoY: +/-▼ 5.9%

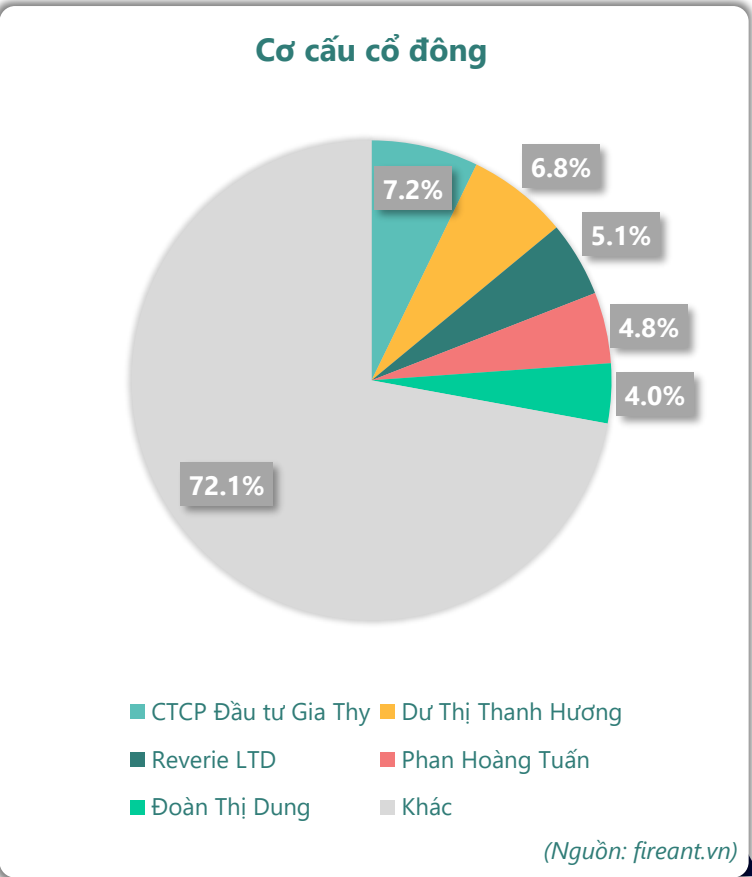
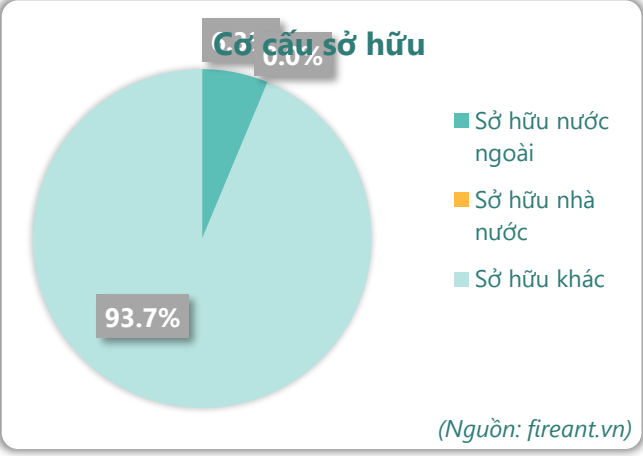
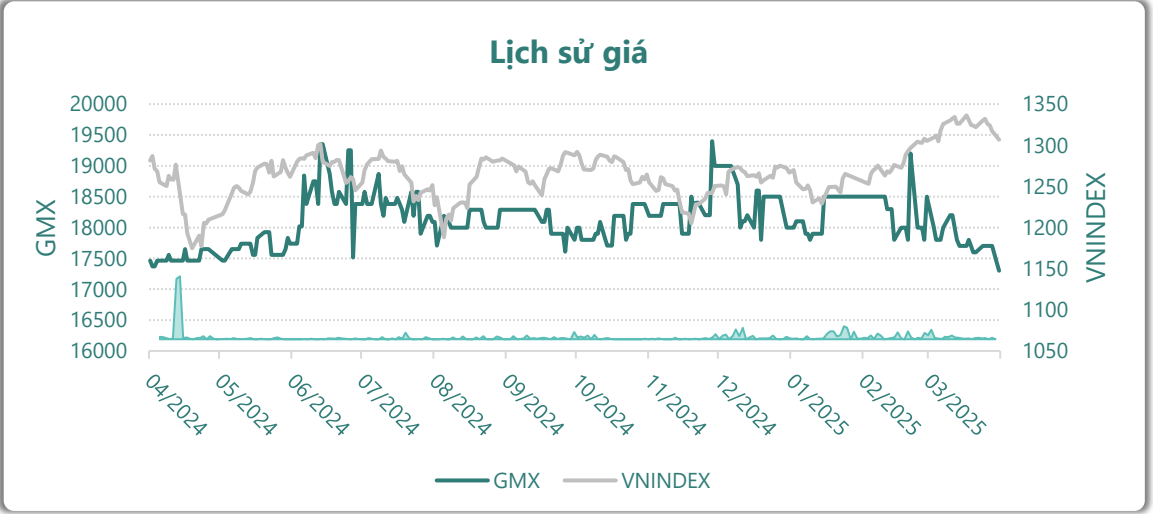
ROE (TTM) Q1/25
14.0%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,300 - 19,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	156
Số lượng CPLH (CP)	9,034,451
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,045
Sở hữu nước ngoài	6.3%
Beta	
EPS	1,853
P/E	9.3

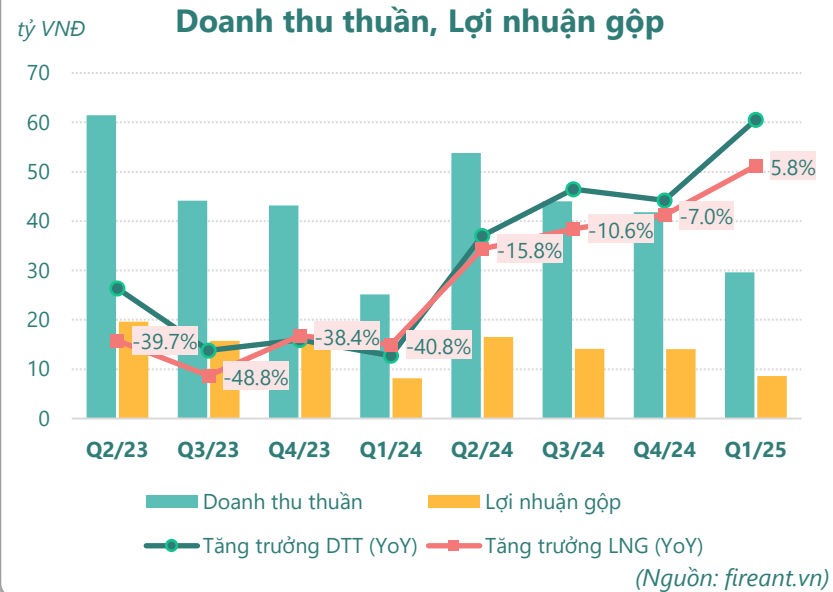
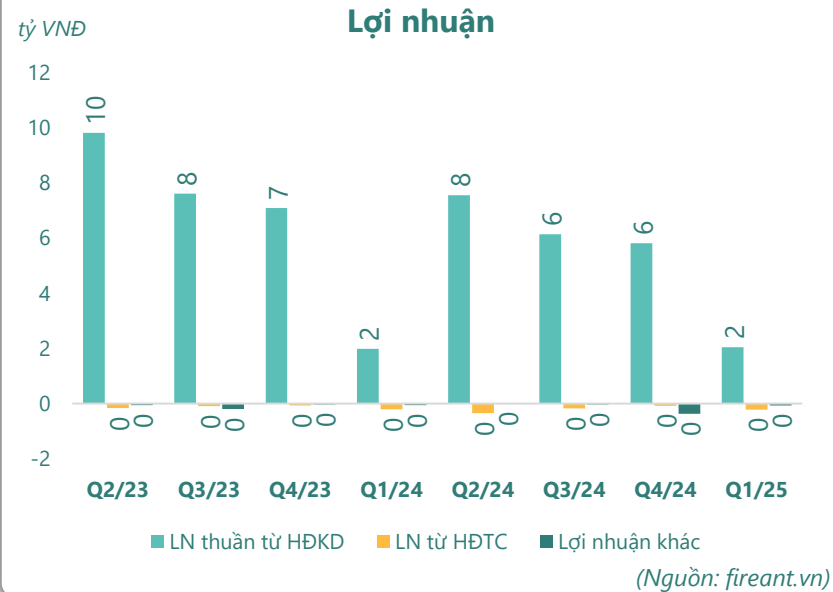
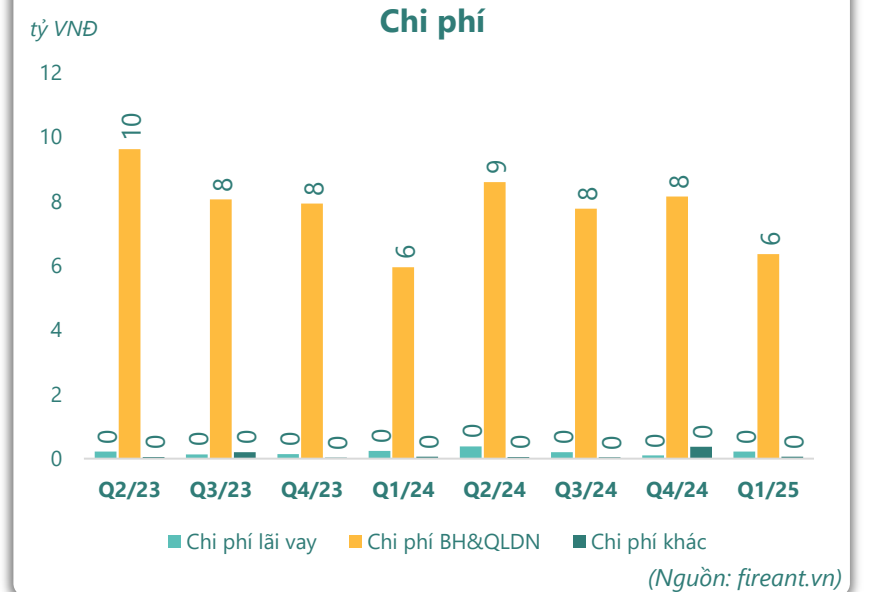
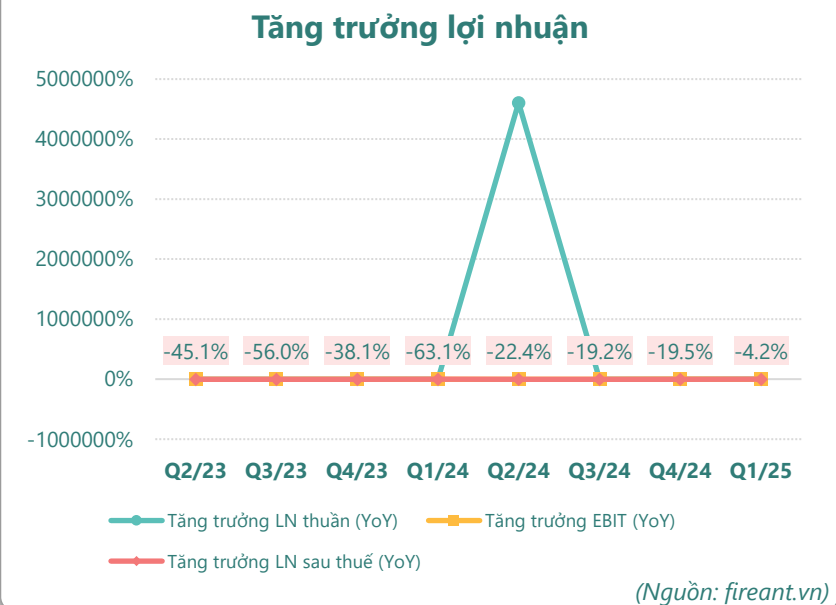
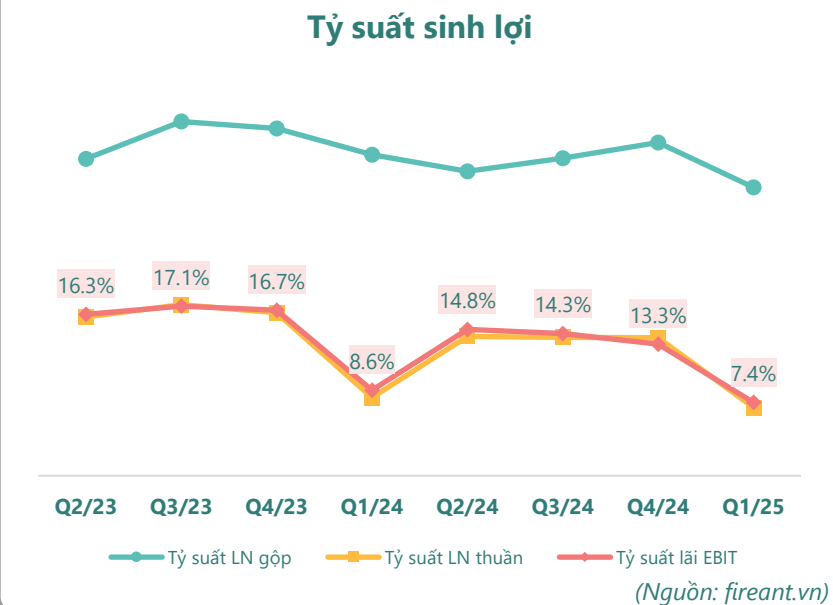
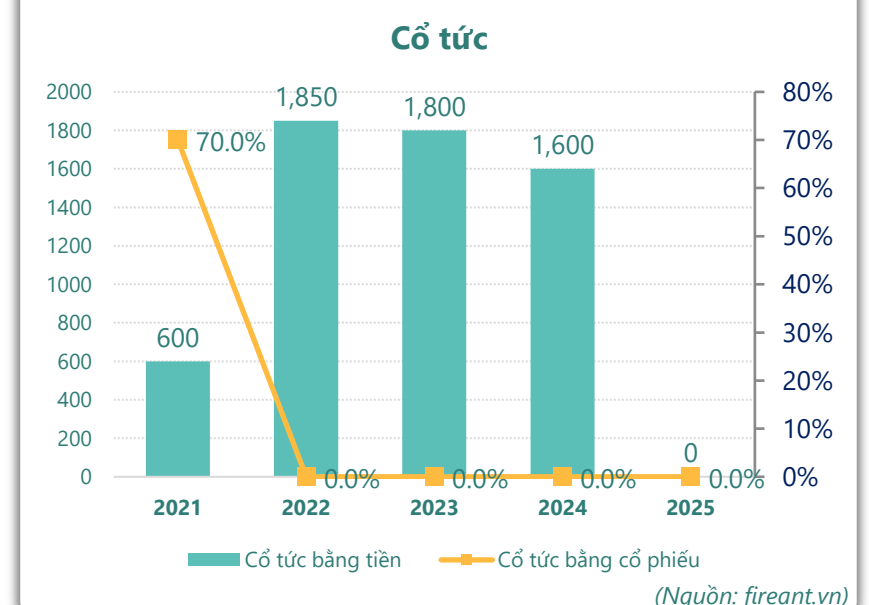
DT thuần 2024
165
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.0 -14.8%

LN thuần 2024
21.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.70 -28.7%

LN sau thuế 2024
16.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00 -30.0%



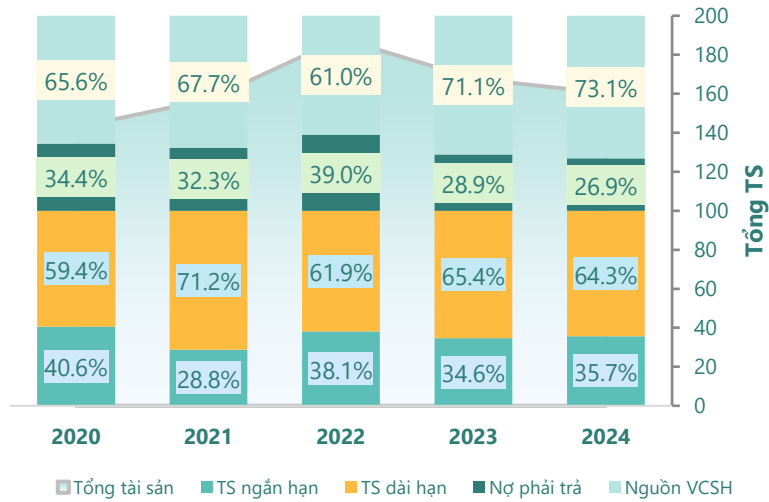
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

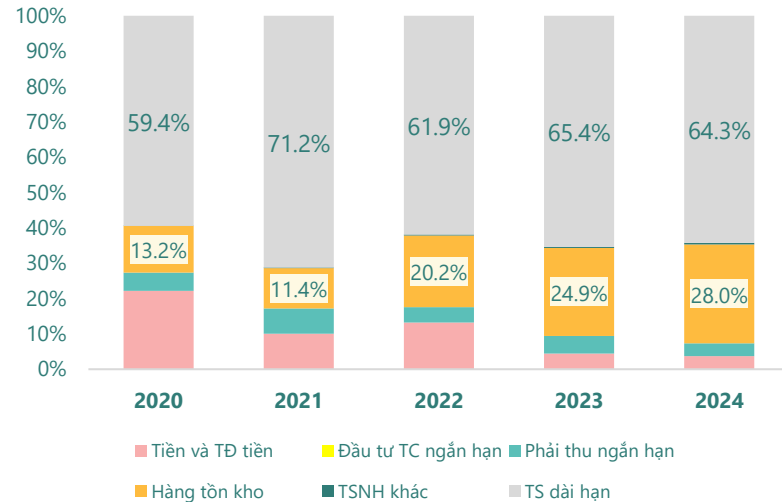
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

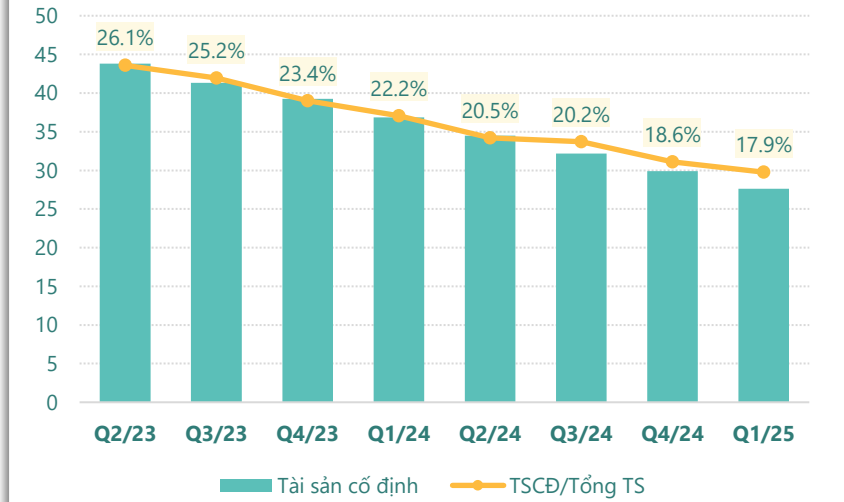
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

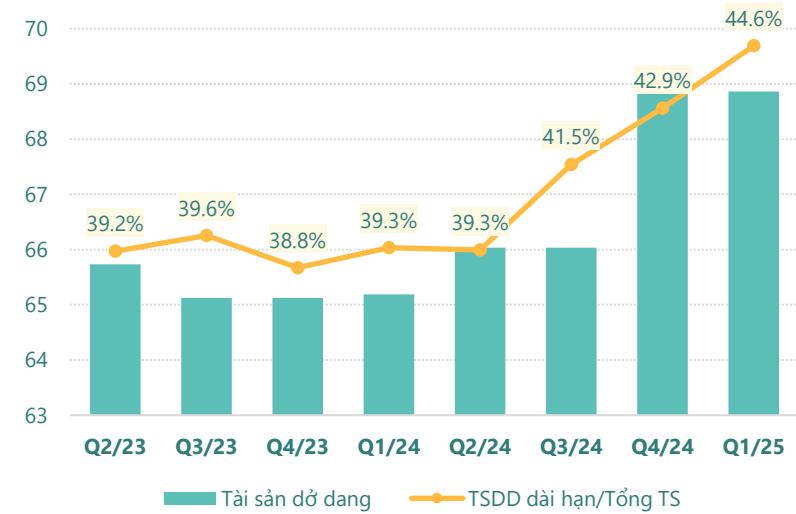
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

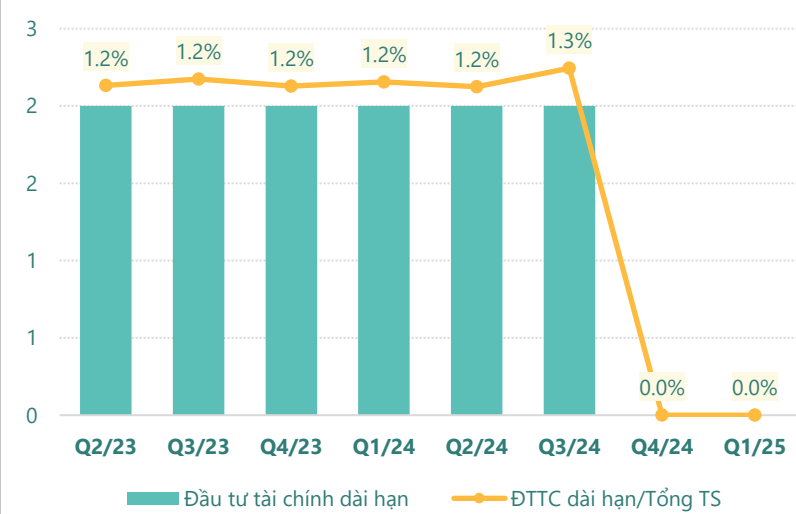
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

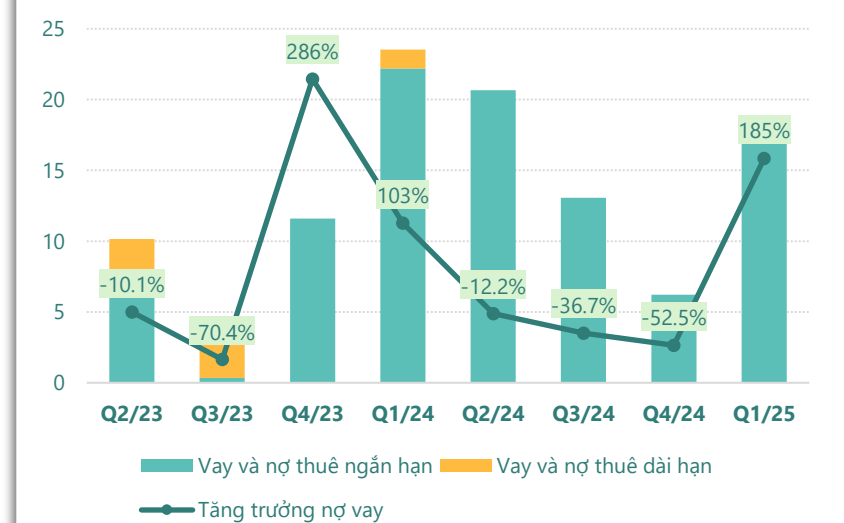
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

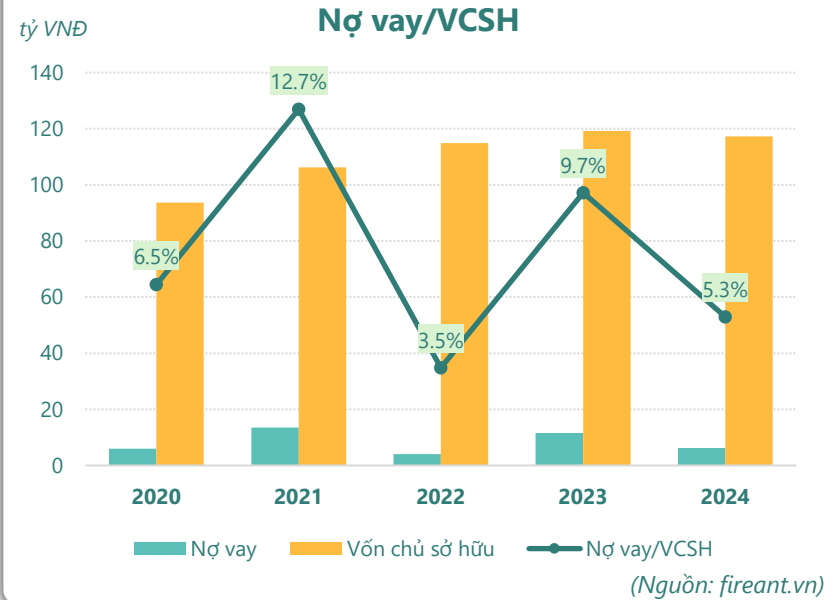
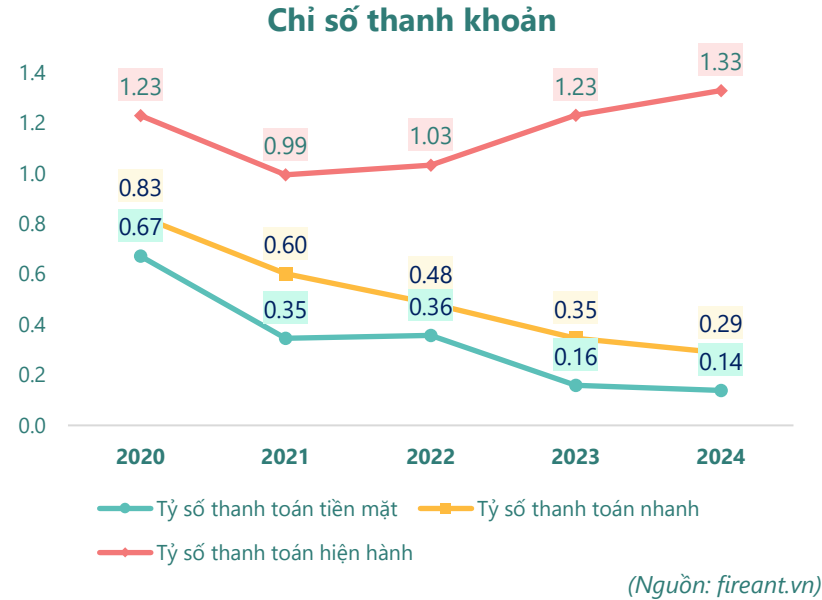
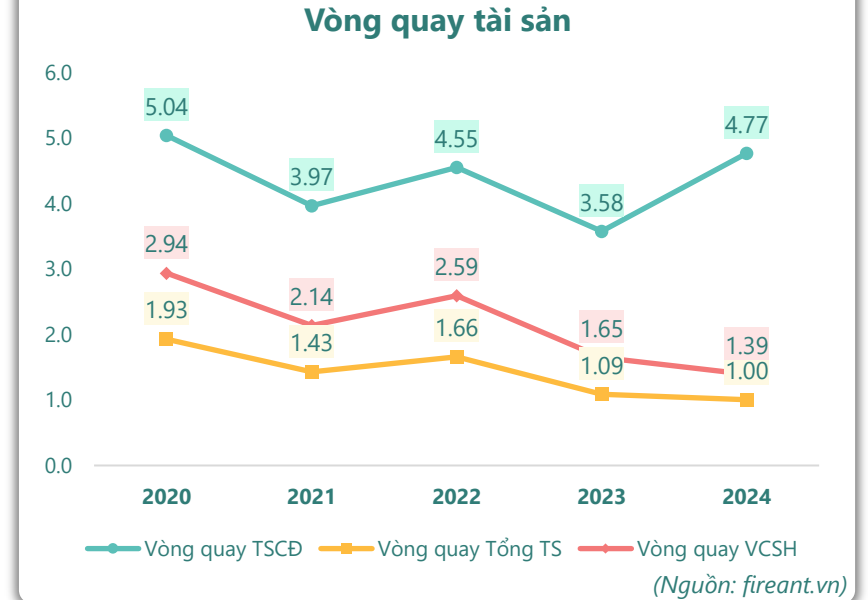
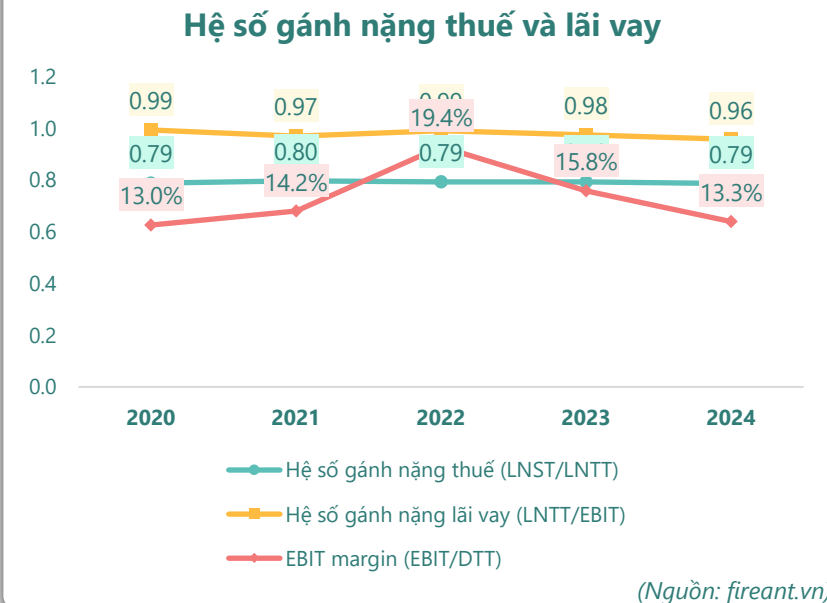
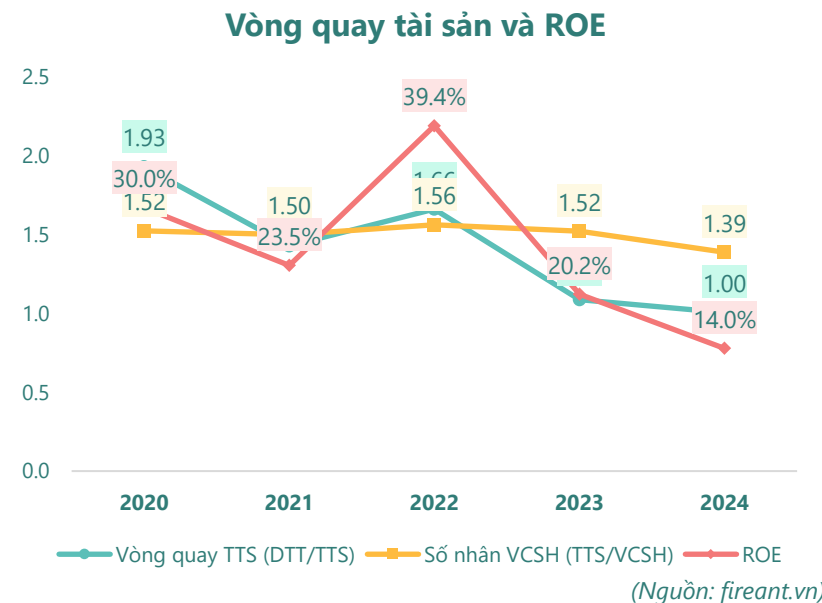
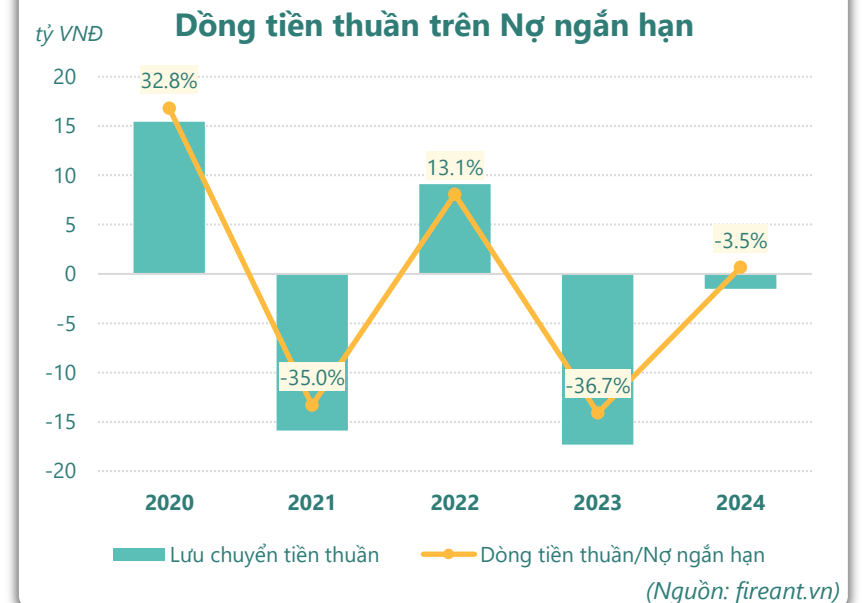
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.6	25.2	17.6%	165	193	-14.8%
Giá vốn hàng bán	21.0	17.0	23.7%	112	129	-13.3%
Lợi nhuận gộp	8.62	8.15	5.8%	52.8	64.3	-17.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.03	-95.9%	0.12	0.23	-47.2%
Chi phí TC	0.22	0.24	-9.9%	0.93	0.75	23.4%
Chi phí lãi vay	0.22	0.24	-9.9%	0.93	0.75	23.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.80	2.80	0.0%	16.9	19.6	-13.9%
Chi phí QLDN	3.56	3.15	13.1%	13.6	14.0	-2.5%
LN thuần từ HĐKD	2.04	1.98	3.1%	21.5	30.2	-28.7%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.06	-8.8%	-0.47	-0.39	-22.1%
LN trước thuế	1.98	1.93	2.4%	21.0	29.8	-29.4%
Lợi nhuận sau thuế	1.57	1.50	4.4%	16.6	23.6	-30.0%
LNST của CĐ cty mẹ	1.57	1.50	4.4%	16.6	23.6	-30.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.2	2.00	30.3	27.3	14.9	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.12	0	-0.84	0	1.80	-0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.7	-4.99	-28.1	-27.0	-16.8	-15.7
Tiền đầu kỳ	10.1	7.50	4.51	5.86	6.09	7.50
Lưu chuyển tiền thuần	-2.62	-2.99	1.35	0.23	-0.11	-2.81
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.50	4.51	5.86	6.09	5.98	4.69

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	155	160	-3.6%
Tài sản ngắn hạn	53.8	57.3	-6.0%
Tiền và tương đương tiền	3.17	5.98	-47.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.68	5.73	16.5%
Hàng tồn kho	43.4	44.9	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.70	-19.7%
Tài sản dài hạn	101	103	-2.3%
Phải thu dài hạn	2.84	2.77	2.7%
Tài sản cố định	27.6	29.9	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.9	68.8	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.41	1.60	-11.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.1	43.1	-16.3%
Nợ ngắn hạn	36.1	43.1	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.7	6.21	185%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.66	18.1	-52.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	118	117	1.0%
Vốn chủ sở hữu	118	117	1.0%
Vốn điều lệ	90.4	90.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

